

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Kết quả hoạt động năm 2016 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2017

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông,
Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định, Hội đồng quản trị Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần trân trọng báo cáo trước Đại hội về tình hình hoạt động năm 2016 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2017. Cụ thể:

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

I. Đặc điểm tình hình

Kinh tế thế giới phục hồi chậm và nhiều rủi ro. Kinh tế trong nước tiếp tục phục hồi và phát triển; Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp; Các cân đối lớn về tài chính, tiền tệ, tín dụng cơ bản được bảo đảm, lãi suất cho vay có xu hướng giảm; Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng cao ... Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Tái cơ cấu chậm; Hoạt động của doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn; Buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng chưa được xử lý triệt để; Thiên tai diễn biến phức tạp, khó lường; Năng lực cạnh tranh ngành và doanh nghiệp thực phẩm, đồ uống còn nhiều hạn chế.

II. Đánh giá thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ SXKD năm 2016 của Tổng công ty

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

Tổng công ty và các doanh nghiệp đã nỗ lực vượt qua khó khăn, triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các chỉ thị, nghị quyết của HĐQT Tổng công ty và các doanh nghiệp. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt được như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TCT mía đường I - Cty CP ⁽¹⁾			Doanh nghiệp khác ⁽²⁾		
			TH năm 2016	So sánh (%)		TH năm 2016	So sánh (%)	
				Năm 2015	KH 2016		Năm 2015	KH 2016
1	Giá trị SXCN	Tỷ đ				895,509	113,03	98,02
2	Doanh thu thuần	Tỷ đ	1.086,708	91,84	93,60	2.625,500	112,09	102,19
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	56,794	117,20	138,51	269,660	142,02	161,36
4	Nộp ngân sách	Tỷ đ	6,757	93,74	102,86	146,437	111,68	124,88
5	TN BQ NLD (ng/th)	1.000đ	12.864	90,75	110,07	4.745	112,01	104,35

Trong đó, TCT và các đơn vị đã cơ bản hoàn thành KH năm 2016; Một số chỉ tiêu hoàn thành, hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

- **Giá trị SXCN:** So với năm 2015 - Viger tăng 8,17%; 19/5 tăng 274,63%; Sơn Dương tăng 22,30%; Hải Châu tăng 5,31%; Việt Đài tăng 7,35%. So với kế hoạch 2016 - Hải Châu vượt 0,32%; Việt Đài vượt 5,69%.

- **Doanh thu:** So với năm 2015 - Văn phòng TCT tăng 4,59%; Viger tăng 70,44%; 19/5 tăng 1.974,64%; Sơn Dương tăng 29,02%; Hải Châu tăng 3,02%; So với kế hoạch 2016 - Thương mại vượt 26,92%; Viger vượt 111,56%; Việt Đài vượt 12,81%.

- **Lợi nhuận trước thuế:** So với năm 2015 - Văn phòng TCT tăng 1,11%; Thương mại tăng 69,53%; Viger tăng 24,20%; Sơn Dương tăng 3.441,50%; Hải Châu tăng 1,01%; Việt Đài tăng 1,32%. So với kế hoạch 2016 - VP TCT vượt 22,01%; Thương mại vượt 5,73%; Viger vượt 4,40%; Sơn Dương vượt 281,03%; Hải Châu vượt 0,55%; Việt Đài vượt 52,56%.

⁽¹⁾ Báo cáo không bao gồm số liệu Trà Vinh.

⁽²⁾ Báo cáo chưa bao gồm số liệu TCT mía đường II - Công ty CP.

- **Thu nhập bình quân người lao động:** So với năm 2015 - Thương mại tăng 16,77%; Viger tăng 17,51%; 19-5 bằng 100%; Sơn Dương tăng 23%; Hải Châu tăng 3,14%; Việt Đài tăng 53,21%. So với kế hoạch 2016 - VP TCT vượt 8,60%; Thương mại vượt 11,64%; Viger vượt 19,82%; 19/5 hoàn thành 100%; Hải Châu vượt 2,40% KH; Việt Đài vượt 26,40%.

- **Cổ tức:** Tổng công ty 7%; Viger 5%; Sơn Dương 10%; Hải Châu 12%.

- **Nộp ngân sách nhà nước:** Tổng công ty và các đơn vị thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định.

(Chi tiết phụ lục 1 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất

2.1.1. Kết quả sản xuất mía đường

- **Về sản xuất nông nghiệp:** Công ty CP mía đường Sơn Dương tập trung triển khai quy hoạch vùng nguyên liệu theo cấp độ lợi thế và tổ chức chuỗi liên kết sản xuất & dịch vụ mía đường - kết quả: Diện tích mía thu hoạch ước đạt 9.535 ha - đạt 91,75% KH và tăng 14,18% so với năm 2015; Sản lượng mía sạch ước đạt 587.233 tấn - đạt 98,87% KH và tăng 26,39% so với năm 2015; Năng suất mía bình quân ước đạt 61,2 tấn/ha - vượt 4,44% KH và tăng 7,18% so với năm 2015; Chữ đường bình quân của Sơn Dương ước đạt 10,14 CCS, Tuyên Quang ước đạt 9,82 CCS - so với năm 2015 Sơn Dương giảm 0,14 CCS, Tuyên Quang giảm 0,39 CCS.

- **Về sản xuất công nghiệp:** Công ty CP mía đường Sơn Dương tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực chế biến và chế biến sâu - kết quả: Sản phẩm đường ước đạt 57.843 tấn - đạt 93,50% kế hoạch và tăng 20,67% so với năm 2015; Phân vi sinh ước đạt 26.609 tấn - vượt 6,44% kế hoạch và tăng 44,30% so với năm 2015.

2.1.2. Kết quả sản xuất sau đường

Các doanh nghiệp sau đường tập trung đẩy mạnh sản xuất, tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm; Cải tiến bao bì, mẫu mã và sản phẩm; Kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm lỗi, hiệu quả thấp; Giữ vững chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm. Kết quả: 3/7 sản phẩm hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và tăng trưởng so với năm 2015 (*Kẹo các loại; Bột canh và bia quy lít*).

2.2. Kết quả thị trường và tiêu thụ sản phẩm

Tổng công ty và các doanh nghiệp chú trọng dự báo; Quyết liệt tổ chức lại hệ thống phân phối - trong đó tập trung phát triển kênh bán lẻ và khai thác khách hàng công nghiệp; Cải thiện chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng; Thực hiện kế hoạch bán hàng chủ động, duy trì tồn kho hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn SXKD. *Kết quả tiêu thụ năm 2016 như sau:*

2.2.1. Sản phẩm đường và phân bón

- Sản lượng đường của Sơn Dương tiêu thụ ước đạt 55.269 tấn - đạt 89,3% kế hoạch và tăng 9,9% so với năm 2015; Tồn kho đường tại thời điểm 31/12/2016 ước 5.000 tấn.

- Sản phẩm phân vi sinh tiêu thụ đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu trồng và chăm sóc mía.

2.2.2. Sản phẩm sau đường

a) **Tại Hải Châu:** Bánh các loại tiêu thụ 6.653,28 tấn - đạt 99,08% KH và tăng 5,25% so với năm 2015; Kẹo các loại 500,85 tấn - vượt 0,17% KH và tăng 18,40% so với năm 2015; Bột canh, gia vị 26.153 tấn - vượt 2,56% KH và tăng 5,42% so với năm 2015.

b) **Tại Viger:** Tổng sản phẩm bia quy lít tiêu thụ ước đạt 8.369 lít - vượt 5,17% KH và tăng 10,51% so với năm 2015; Nước tinh khiết 6.700 bình - đạt 44,67% KH và bằng 61,47% so với năm 2015; Nước giải khát 722.000 chai - đạt 32,80% KH và bằng 85,43% so với năm 2015.

c) **Tại 19-5:** Sản phẩm bao PE in đạt 20 tấn - đạt 26,67% KH và tăng 37,93% so với năm 2015; Bao PP&PE đạt 91.000 bộ - đạt 22,75% KH.

2.3. Kết quả hoạt động thương mại, dịch vụ

Năm 2016, TCT tiếp tục phát huy kết nối sâu và cam kết trách nhiệm đến cùng về cung

ứng vật tư kỹ thuật và dịch vụ đầu vào với chất lượng, giá cả tốt nhất. Tại Văn phòng TCT, tập trung mở rộng mặt hàng kinh doanh, tận dụng tối đa cơ hội thị trường - bước đầu thực hiện làm tổng thầu 2 thương hiệu sản phẩm bia CH'Ti (Pháp), Marten (Bi) và làm đại lý độc quyền phân phối sản phẩm nước ép trái cây, sữa nguyên liệu của Newzealand; Tổ chức phân phối sản phẩm bánh, kẹo, đồ uống của Trung Quốc, Đài Loan. Kết quả doanh thu thương mại & dịch vụ tại Văn phòng TCT ước đạt 897,963 tỷ đồng (chiếm 93,52% tổng doanh thu) - bằng tăng 2,61% so với năm 2015 và đạt 87,70% KH; Công ty TMTV&ĐT đạt 126,550 tỷ đồng - bằng 47,69% so với năm 2015 và vượt 26,92% KH; Viger đạt 116,533 tỷ đồng (chiếm 80,72% tổng doanh thu) tăng 460,47% so với năm 2015 và vượt 342,67% KH.

2.4. Kết quả đầu tư phát triển sản xuất

Tổng công ty và các đơn vị tổ chức khảo sát, tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư phát triển sản phẩm đường, bánh kẹo, đồ uống tại một số nước có nền công nghiệp thực phẩm phát triển (Italia, Áo, Hungary, Nhật Bản và Trung Quốc); Mặt khác, tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm. Trong đó:

- Công ty đường Sơn Dương tập trung đầu tư cải tạo cơ cấu giống, thực hiện rải vụ, đầu tư cơ giới hóa, ứng dụng mô hình cánh đồng mẫu lớn sản xuất mía; Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực chế biến và chế biến sâu: Hoàn thành đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy đường Tuyên Quang lên 6.000 TMN giai đoạn 1 lên 4.000 TMN - bảo đảm kịp tiến độ vụ sản xuất 2016/2017 và quyết liệt thực hiện dự án đầu tư nhà máy điện sinh khối mía đường công suất 25 MWh.

- Công ty sau đường: Hải Châu triển khai cải tạo nhà kho 2 tầng; Tiếp tục đổi mới công nghệ, sản xuất sản phẩm mới; Viger thực hiện cải tạo dây chuyền sản xuất bia; 19-5 tiếp tục hoàn thiện dây chuyền bao bì PP, PE.

2.5. Kết quả quản trị doanh nghiệp

2.5.1. Công tác quy hoạch và kế hoạch

- TCT quyết liệt chỉ đạo Công ty đường tổ chức triển khai xây dựng quy hoạch vùng nguyên liệu mía tập trung theo cấp độ lợi thế, xây dựng "cánh đồng mía lớn", tăng diện tích mía ruộng thấp, có tưới và đẩy sớm khung thời vụ.

- Thực hiện chỉ đạo của TCT, các doanh nghiệp mía đường, bánh kẹo, rượu bia cải thiện công tác xây dựng và triển khai kế hoạch thời vụ, chú trọng tác nghiệp và điều hành chặt chẽ, coi trọng công tác chuẩn bị sản xuất và tập trung khai thác sâu tính thời vụ.

2.5.2. Công tác tổ chức và nhân lực

- Thực hiện sắp xếp tổ chức - bộ máy và định biên lao động từng bước tinh, gọn. Kiện toàn nhân sự Ban Tổng giám đốc⁽³⁾. Thay đổi và cử bổ sung Người đại diện vốn tại một số doanh nghiệp khác (Sơn Dương, Hải Châu, Viger, Mía đường II và Việt Đài).

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cấp trưởng bộ phận. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của TCT tại DN khác trong việc tham gia trực tiếp vào hoạch định và quyết sách quan trọng tại doanh nghiệp.

- Chú trọng cải thiện quản trị nội bộ và cải cách hành chính; Tích cực cải thiện việc làm, thu nhập người lao động; Giữ vững tổ chức, giữ vững đội ngũ, ổn định chính trị nội bộ.

2.5.3. Công tác quản lý kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

- Các doanh nghiệp làm chủ và kiểm soát khá tốt vận hành thiết bị, công nghệ - bảo đảm an toàn sản xuất cao hơn, tăng thu hồi, giảm tổn thất, giảm tiêu hao vật tư. Một số đơn vị duy trì tốt quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO (Hải Châu, Việt Đài); Quản lý theo phương pháp 5S (Sơn Dương, Viger); Tập trung ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất mía đường, tăng thu hồi, giảm tổn thất và đầu tư tiết kiệm. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức quản lý bán hàng.

⁽³⁾ HĐQT đã thống nhất đề bà Vũ Thị Huyền Đức thôi giữ chức Tổng giám đốc; Cử ông Nguyễn Văn Hội, Chủ tịch HĐQT kiêm chức Tổng giám đốc TCT; Chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Mạnh Hà, Phó TGĐ TCT và bổ nhiệm 02 Phó Tổng giám đốc TCT.

- Các doanh nghiệp đã chú trọng đổi mới công nghệ, sử dụng nguyên liệu mới - tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm; Mặt khác, kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế - kỹ thuật của từng sản phẩm; Giữ vững chất lượng sản phẩm và thương hiệu sản phẩm; Công tác môi trường, an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm luôn bảo đảm theo quy định.

2.5.4. Công tác quản lý tài chính

TCT và các đơn vị cơ bản đã chấp hành chế độ quản lý tài sản và sử dụng vốn đúng quy định hiện hành của nhà nước. TCT tiếp tục cân đối các nguồn vốn phục vụ kịp thời hoạt động SXKD và đầu tư - xây dựng; Tăng cường quản lý chặt chẽ tài sản và vốn; Kiểm soát đầu tư mua sắm, chi tiêu nội bộ, ... và giá thành sản phẩm; Quyết toán đầu tư và xử lý tồn tại về tài chính; Hỗ trợ cho một số đơn vị vay vốn (*Sơn Dương, 19/5*); Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2016 của TCT khá lành mạnh, không phát sinh nợ xấu, chỉ tiêu khả năng thanh toán tổng quát và thanh toán nợ ngắn hạn trong ngưỡng an toàn. Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu ước đạt 12,2% - tăng 8,54% so với năm 2015.

2.5.5. Công tác tái cơ cấu, giám sát và đánh giá doanh nghiệp

- Tổng công ty chỉ đạo quyết liệt và trực tiếp hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược phát triển và tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Trước thách thức hội nhập toàn cầu, những khó khăn hiện hữu và tương lai của ngành mía đường, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2015 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng công ty đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty CP mía đường Nông Công và chuyển nhượng Công ty mía đường Trà Vinh để thực hiện tái cơ cấu toàn diện Tổng công ty theo chiến lược tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Quá trình thực hiện tuân thủ quy định của điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ của Tổng công ty, trong đó TCT đã thuê các đơn vị tư vấn thẩm định, định giá giá trị tài sản, giá chuyển nhượng theo quy định và làm việc, chào bán đến các đối tác sản xuất mía đường trong khu vực⁽⁴⁾.

- TCT chú trọng công tác đánh giá, trọng tâm là đánh giá sản phẩm và thị phần, đánh giá hoạt động sản xuất và thương mại, dịch vụ; Đánh giá hiệu suất sinh lời vốn chủ sở hữu và hiệu quả đầu tư vốn của TCT tại doanh nghiệp khác.

- TCT tập trung giám sát và hỗ trợ hoạt động SXKD tại doanh nghiệp khác bằng cam kết trách nhiệm của Người đại diện. TCT thực hiện kết nối sâu - trực tiếp thực hiện cung ứng phần lớn vật tư kỹ thuật tại Sơn Dương, Viger, 19/5 và kiểm soát chặt chẽ yếu tố đầu vào, đầu ra, tài sản và tiền vốn.

3. Hoạt động của các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội

TCT tiếp tục giữ vững và ổn định chính trị nội bộ. Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội tích cực phối hợp chính quyền chăm lo việc làm, đời sống và bảo đảm quyền lợi của người lao động.

III. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát thực thi nhiệm vụ trên các mặt hoạt động; HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành TCT, Người đại diện tại các DN khác tập trung cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp - **trọng tâm là:** Quyết liệt đổi mới quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống cơ bản, hệ thống phụ trợ và hệ thống kiểm soát; Tổ chức sản xuất mía đường theo chuỗi liên kết; Thực hiện chính sách cam kết đầu tư phát triển mía lâu dài; Tổ chức kiểm soát quá

⁽⁴⁾ Trong đó Nông Công được chuyển nhượng cho cổ đông chiến lược Công ty CP mía đường Lam Sơn để tổ chức lại sản xuất mía đường tỉnh Thanh Hóa; Trà Vinh được chuyển nhượng cho cổ đông chiến lược Công ty Kim Hà Việt để tổ chức lại sản xuất mía đường khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tổng số tiền thu về từ thoái vốn Nông Công là 25,960 tỷ đồng - cao hơn 9,440 tỷ đồng so với giá trị đầu tư thực tế và cao hơn 14,160 tỷ đồng tính theo mệnh giá; Tổng số tiền thu về từ chuyển nhượng Trà Vinh là 68,561 tỷ đồng - cao hơn giá trị sổ sách là 6,233 tỷ đồng; Trong đó đơn vị nhận chuyển nhượng kế thừa toàn bộ công nợ, ... và các tồn tại đến thời điểm chuyển nhượng.

trình và điều hành thời vụ, kiểm soát chặt chẽ tổn thất và chất lượng sản phẩm; Tập trung đầu tư phát triển sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt, nâng cao năng lực sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm; Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và sáng kiến cải tiến; Giám sát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật; Tập trung đổi mới và phát triển tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; Phát triển thương mại và dịch vụ trên cơ sở phát huy sâu kết nối nội khối và phát triển mạnh ra bên ngoài; Quản lý chặt chẽ các nguồn lực; Kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm lỗi, hiệu quả thấp; Thực hiện tiết giảm sâu và giảm giá thành sản phẩm. HĐQT đã triệu tập và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 TCT, chỉ đạo và hỗ trợ các DN khác tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ hết nhiệm kỳ.

Theo nguyện vọng cá nhân, HĐQT đã thống nhất miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCT của bà Vũ Thị Huyền Đức, chức danh thành viên HĐQT của ông Đặng Việt Anh, chức danh thành viên BKS của bà Trần Thị Nhi; HĐQT cử ông Nguyễn Văn Hội, Chủ tịch HĐQT tạm kiêm chức Tổng giám đốc TCT và bổ nhiệm tạm thời ông Cao Chiến Thắng làm thành viên HĐQT TCT.

Năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 cuộc họp định kỳ, 2 cuộc họp bất thường và 48 lần lấy ý kiến bằng văn bản - đưa ra 172 nội dung quyết nghị và chỉ đạo. Đến hết 31/12/2016, có 147 nội dung đã thực hiện xong, 25 nội dung do tính chất dài hạn vẫn đang trong quá trình thực hiện.

Các cuộc họp HĐQT (trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đều mời Trưởng BKS tham dự. HĐQT thường xuyên trao đổi với BKS để chủ động giám sát, đánh giá và đưa ra các khuyến cáo, khuyến nghị nhằm bảo đảm các hoạt động của TCT là hữu hiệu nhất.

Thù lao và kinh phí hoạt động năm 2016 của HĐQT và BKS được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Tổng công ty. Cụ thể:

Stt	Khoản mục kinh phí	ĐVT	Theo NQ ĐHĐCĐ 2016	Thực hiện	So sánh (%)
1	Tổng tiền thù lao	đồng	1.050.000.000	811.864.818	77,32
-	Hội đồng quản trị	đồng	660.000.000	505.000.000	76,52
-	Ban kiểm soát	đồng	390.000.000	306.864.818	78,68
2	Chi phí hoạt động	đồng	2.480.349.433	884.756.498	35,67
	Tổng cộng	đồng	3.530.349.433⁽⁵⁾	1.696.621.316	48,06

* Chi tiết phụ lục 2 kèm theo

HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

2. Đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty

Năm 2016, Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty đã quyết liệt thực hiện các quyết nghị của ĐHĐCĐ, chỉ thị, nghị quyết của HĐQT, các khuyến cáo, khuyến nghị của HĐQT và BKS; Cơ bản tuân thủ các quy định của Nhà nước, điều lệ và định chế nội bộ của Tổng công ty. Sự nỗ lực và hoạt động có hiệu quả của Tổng giám đốc và Ban điều hành đã giúp cho Tổng công ty thực hiện thắng lợi Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết và chỉ thị của HĐQT, nhiệm vụ và chương trình công tác của BDH (kết quả đạt được như đã đánh giá ở các phần trên của báo cáo này).

HĐQT đánh giá TGD và BDH hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

3. Kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ lần đầu của Tổng công ty

Năm 2016 là năm thứ 12 liên tiếp Tổng công ty có lãi, tăng trưởng bình quân lợi nhuận trước thuế đạt 20,6%/năm; Cổ tức bình quân 3 năm (2014 - 2016) là 8%/năm⁽⁶⁾; Hàng năm thực hiện đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; Thu nhập bình quân người lao động tăng bình quân 31,95%/năm.

⁽⁵⁾ Theo NQ ĐHĐCĐ năm 2016, kinh phí hoạt động năm 2016 của HĐQT và BKS tối đa là 0,2% doanh thu thuần.

⁽⁶⁾ Không so sánh chỉ tiêu cổ tức năm 2013 do TCT chuyển sang Công ty cổ phần từ 04/7/2013.

IV. Tồn tại, hạn chế và thách thức

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu: Các đơn vị chưa hoàn thành toàn diện kế hoạch, một số chỉ tiêu không tăng trưởng so với năm trước. Cụ thể:

- Chỉ tiêu giá trị SXCN: Viger thấp hơn KH 3,52%; 19/5 thấp hơn KH 80,4%; Sơn Dương thấp hơn KH 6,04%.

- Chỉ tiêu sản phẩm: Bao bì in hoàn thành 26,67%; Bao bì PP, PE hoàn thành 22,75%; Nước giải khát hoàn thành 32,80%; Nước tinh khiết hoàn thành 44,67%.

- Chỉ tiêu doanh thu: Văn phòng TCT thấp hơn KH 9,53%; Thương mại giảm 52,31% so năm trước; 19/5 thấp hơn KH 89,11%; Sơn Dương thấp hơn KH 7,25%; Hải Châu thấp hơn KH 1,84%; Việt Đài giảm 1,12% so với năm trước.

2. Hoạt động sản xuất

2.1. Doanh nghiệp mía đường

- Trình độ sản xuất và chuỗi liên kết sản xuất mía đường thấp và nhiều bất cập. Quy hoạch vùng nguyên liệu ít lợi thế. Phát triển diện tích chậm; Vùng nguyên liệu chưa ổn định; Chất lượng mía giảm. Thu nhập và sức cạnh tranh của cây mía còn hạn chế.

- Hoạt động của hệ thống nông vụ và vai trò Ban chỉ đạo sản xuất mía các cấp chưa hữu hiệu. Thực hiện quy trình kỹ thuật - từ làm đất đến trồng, chăm sóc và thu hoạch còn nhiều hạn chế - tồn thất trên đồng ruộng còn lớn.

- Công tác tổ chức chế biến còn hạn chế từ hợp lý hóa sản xuất, an toàn sản xuất đến kiểm soát tồn thất, ... và cải thiện chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.

- Cơ cấu, chủng loại và mẫu mã sản phẩm hạn chế, chưa đáp ứng tiêu chuẩn nguyên liệu sản xuất đồ uống chất lượng cao và xuất khẩu. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế.

2.2. Doanh nghiệp sau đường

- Quy mô sản xuất nhỏ; Trình độ công nghệ, thiết bị thấp hoặc trung bình; Chưa chú trọng đến đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị và nguyên liệu mới.

- Chưa tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất, phát triển sản phẩm: Cơ cấu, chủng loại và mẫu mã hạn chế; Phát triển sản phẩm (đồ uống, bánh, kẹo, bao bì) rất chậm, chưa thay thế, bù đắp được nhiều sản phẩm đã lạc hậu, suy thoái. Năng lực cạnh tranh sản phẩm hạn chế - từ năng suất lao động thấp, chi phí sản xuất và giá thành cao đến chất lượng sản phẩm chưa ổn định - thị phần sản phẩm bánh, kẹo, đồ uống và bao bì tiếp tục bị thu hẹp.

- Chưa tập trung quyết liệt tổ chức lại sản xuất, hệ thống bán hàng và đổi mới quản trị doanh nghiệp, trong đó: cơ cấu tổ chức - bộ máy và chức năng, nhiệm vụ tại một số đơn vị còn chồng chéo, chồng chéo, định biên lao động lớn; Quản lý, điều hành, tác nghiệp còn hạn chế, chưa quyết liệt.

- Quy mô và chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật từ máy móc, thiết bị, dụng cụ ... đến hệ thống logistics có trình độ trung bình và thấp.

3. Tổ chức lại hoạt động thương mại - dịch vụ của TCT còn chậm và hạn chế, bất cập từ quy mô và mô hình tổ chức, liên kết hệ thống hoạt động thương mại - dịch vụ đến năng lực đội ngũ kinh doanh. Hoạt động kinh doanh đơn giản, "ăn đong", phát triển hệ thống bán lẻ và khách hàng công nghiệp rất hạn chế, phát triển kinh doanh ngoài TCT còn chậm.

4. Hoạt động đầu tư phát triển: Dự án điện sinh khối của Công ty CP mía đường Sơn Dương hoàn thành chậm tiến độ, nguyên nhân chủ yếu do năng lực và kinh nghiệm tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện của các nhà thầu Việt Nam và Trung Quốc còn hạn chế nhất định; Công tác phát triển sản phẩm mới triển khai chiến lược tái cơ cấu của Hải Châu, Viger còn chậm.

5. Tổng công ty có tiềm lực tài chính hữu hạn, 1 số đơn vị thiếu vốn nghiêm trọng (19/5; Sơn Dương).

6. Cải tiến kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật từ sản xuất mía đến chế biến đường và sau đường còn nhiều hạn chế, chưa cải thiện nhiều về sản phẩm, sức cạnh tranh và hiệu quả của doanh nghiệp.

7. Đổi mới quản trị doanh nghiệp, điều hành và năng suất lao động tổng hợp chậm cải thiện; Năng lực kiểm soát hệ thống và điều hành của một số cán bộ lãnh đạo, cấp trưởng bộ phận còn hạn chế nhất định; Chất lượng nguồn nhân lực thấp, chưa chuyên nghiệp và chậm được cải thiện - đặc biệt là hệ thống nông vụ, phát triển sản phẩm và thương mại, dịch vụ. Hệ thống thông tin, công cụ quản lý còn bất cập.

8. Hiệu quả kiểm soát của các cấp quản lý và Ban kiểm soát từ Tổng công ty đến các Chi nhánh và doanh nghiệp khác còn hạn chế, chất lượng chưa cao.

9. Hoàn thiện chiến lược phát triển và tái cơ cấu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 của Tổng công ty và một số doanh nghiệp còn chậm.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SXKD, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2017

I. Một số dự báo

1. Dự báo về tình hình kinh tế - xã hội thế giới và trong nước

- **Tình hình thế giới:** Toàn cầu hóa, tự do trao đổi thương mại và hợp tác kinh doanh trong một thế giới phẳng - cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn và ở phạm vi toàn cầu. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ hiện đại. Chu kỳ sống của sản phẩm ngày càng ngắn. Năng suất lao động ngày càng tăng.

- **Tình hình trong nước:** Năm 2017 là năm Chính phủ “kiến tạo, phục vụ và tập trung kiểm chế làm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội”. Hội nhập kinh tế vừa là cơ hội, vừa là thách thức lớn cho doanh nghiệp trong nước - khó khăn nhiều hơn, thách thức và rủi ro lớn hơn; Trong đó, thị trường lao động, tín dụng, ... và hàng lậu, hàng giả vẫn nhiều thách thức; Quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm và bảo vệ người tiêu dùng ngày càng chặt chẽ; Biến đổi khí hậu diễn biến cực đoan và khó lường.

2. Dự báo ngành hàng

Năm 2017 Ngành mía đường tiếp tục khó khăn từ khả năng phát triển diện tích, năng suất và chất lượng do ảnh hưởng nặng nề từ vụ 2016/2017; Ngành chế biến thực phẩm bánh, kẹo và đồ uống (bia, rượu, nước giải khát) dự báo tiếp tục có nhiều biến động, cạnh tranh gay gắt hơn, khốc liệt hơn khi ngày càng có nhiều thương hiệu nổi tiếng đến từ các nước trên thế giới và quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày càng khắt khe, chặt chẽ hơn. Biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường. Hoạt động và hiệu quả của các doanh nghiệp ngày càng khó khăn hơn.

II. Kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

1. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TCT mía đường I - CTCP		Doanh nghiệp khác ⁽⁷⁾	
			Kế hoạch 2017	KH17/ ƯTH16 (%)	Kế hoạch 2017	KH17/ ƯTH16 (%)
1	Sản xuất nông nghiệp					
	Diện tích mía	Ha			19.776	105,54
	Sản lượng mía qua cân	Tấn			1.189.918	103,90
	Năng suất bình quân	Tấn/ha			60,17	98,45
2	Sản xuất công nghiệp					
2.1	Giá trị SXCN	tỷ đ			980,637	109,51
2.2	Sản phẩm chủ yếu					
-	Đường các loại	Tấn			121.550	106,94
-	Phân bón	Tấn			24.000	90,20
-	Bánh các loại	Tấn			7.160	107,62
-	Kẹo các loại	Tấn			500	99,83
-	Bia	1000 lít			10.025	119,78
-	Nước giải khát	1000 lít			500	69,29

⁽⁷⁾ Số liệu chưa bao gồm TCT mía đường II - Công ty CP.

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TCT mía đường I - CTCP		Doanh nghiệp khác ⁽⁷⁾	
			Kế hoạch 2017	KH17/ ƯTH16 (%)	Kế hoạch 2017	KH17/ ƯTH16 (%)
-	Bao bì	1.000 bộ			4.000	
-	Gia vị thực phẩm	Tấn			25.750	98,46
3	Kết quả kinh doanh					
3.1	Doanh thu	tỷ đ	1.329,799	122,37	2.931,983	111,67
3.2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	37,408	65,87	119,16	73,86
3.3	Cổ tức	%	7,0	100,00		
4	Nộp ngân sách NN	tỷ đ	5,218	77,22	138,734	94,74
5	TNBQ NLD (ng/th)	1.000 đ	14.809	115,12	4.816	101,50

Chi tiết phụ lục số 1 kèm theo

2. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo, điều hành - khắc phục những khó khăn, thách thức lớn; Thực hiện đồng bộ giải pháp thiết thực, hữu hiệu để đẩy mạnh SXKD, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017, vụ ép 2016/2017 & 2017/2018 với hiệu quả cao nhất và chủ động cân đối kế hoạch năm 2018.

2.2. Quyết liệt thực hiện chiến lược phát triển và tái cơ cấu giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 của Tổng công ty và của các doanh nghiệp - trong đó tập trung:

a) Đầu tư phát triển sản xuất mía đường và sau đường (bánh, kẹo, đồ uống, sản phẩm phụ trợ), nâng cao năng lực sản xuất và sản xuất sâu - *trọng tâm là*: Ưu tiên đầu tư sản phẩm mới, sản phẩm khác biệt - tạo lợi thế cạnh tranh dựa trên chất lượng sản phẩm cao hơn, dịch vụ tốt hơn và chi phí thấp hơn; Đầu tư hợp lý hóa sản xuất và tăng năng lực sản xuất; Đầu tư đổi mới kỹ thuật, công nghệ; Đầu tư phát triển hệ thống vệ tinh gia công sản phẩm; Đầu tư chuyển quyền thương hiệu; Đầu tư khai thác nguồn lực đất đai.

b) Phát triển thương mại và dịch vụ - *trọng tâm là* xây dựng Tổng công ty thành trung tâm kết nối hoạt động thương mại, dịch vụ của toàn Tổng công ty; Tập trung tăng nhanh, mạnh về doanh số và thị phần và phát triển lực lượng bán hàng mạnh, hiệu quả.

c) Tăng cường quản trị marketing - *trọng tâm là* phát triển sản phẩm và thị trường (đường, bánh, kẹo, gia vị thực phẩm, đồ uống, bao bì); Phát triển hệ thống bán hàng, cung ứng dịch vụ hướng vào khách hàng - thực hiện "lợi ích cốt lõi, dịch vụ hỗ trợ tăng cao hơn cho khách hàng"; Phát triển thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp.

d) Quyết liệt phát triển tổ chức, phát triển nguồn nhân lực, *trọng tâm là* tiếp tục kiện toàn tổ chức - bộ máy và sắp xếp, định biên lao động khoa học, hiệu quả; Đổi mới cơ chế, chính sách đãi ngộ; Đổi mới chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng gắn với kết quả, hiệu quả công việc; Đổi mới công tác tuyển dụng, công tác đào tạo.

e) Tăng cường công tác quản lý tài chính, trong đó tập trung cải thiện năng lực tài chính, cân đối và sử dụng vốn có hiệu quả. Tăng cường quản lý tài sản, tiền vốn; Đầu tư, mua sắm, tiêu thụ sản phẩm; Quản lý chặt chi tiêu ... và tăng cường thực hiện tiết giảm sâu, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

f) Tăng cường giám sát, tự kiểm tra và kiểm tra lại ở tất cả các cấp quản lý, điều hành. Chú trọng kiểm soát rủi ro; Chủ động ngăn ngừa sai phạm và chấn chỉnh kịp thời (nếu có).

g) Chú trọng cải thiện quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất kinh doanh - *trọng tâm là* xây dựng quản trị tiên tiến, chế độ làm việc năng động, hiệu quả; Xây dựng môi trường văn minh, thân thiện, giàu sức học tập và sức sáng tạo; Thực hiện cơ chế quản lý, điều hành với chế độ trách nhiệm cao, quyền hạn cao, kỷ luật cao.

3. Giữ vững tổ chức, giữ vững đội ngũ, ổn định chính trị nội bộ. Chăm lo việc làm, thu nhập người lao động.

III. Tổ chức thực hiện

Mỗi cấp quản lý, điều hành từ Tổng công ty đến các doanh nghiệp xây dựng chương trình, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp hữu hiệu, thích ứng và kế hoạch tác nghiệp sâu. Mỗi vị trí công việc tự xây dựng chương trình công tác chi tiết, chuyên môn, nghiệp vụ sâu. Chú trọng đến nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nâng cấp hệ thống cơ bản (kinh tế, kỹ thuật, ... và năng suất lao động).

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị TCT mía đường I - Công ty cổ phần về kết quả hoạt động năm 2016 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017. Hội đồng quản trị TCT tin tưởng rằng, với những kinh nghiệm và sự quyết liệt, sát sao, trách nhiệm của HĐQT, Ban điều hành, Người đại diện và sự phối hợp cao của Ban kiểm soát; Sự nỗ lực của CBCNV toàn Tổng công ty - TCT mía đường I sẽ tiếp tục thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2017, thực hiện thành công kế hoạch 5 năm (2013 - 2017) và định hướng đến năm 2020 theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD TCT;
- Các phòng ban, chi nhánh TCT;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu HĐQT - VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hội

**Phụ lục 1a: TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017
CỦA TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Kèm theo Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2016 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2017)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	Ư' TH 2016	KH 2017	So sánh Ư' TH 2016 (%)		KH17/ Ư' TH16 (%)
							TH 2015	KH 2016	
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
I	Sản phẩm kinh doanh								
1	Đường các loại	tấn	62,487	41,300	51,747	60,000	82.81	125.30	115.95
2	Mật ri	tấn	31,566	28,716	29,109	25,000	92.22	101.37	85.88
3	Vật tư nông nghiệp	tấn	16,031	13,528	12,245	12,600	76.38	90.52	102.90
4	Vật tư sản xuất	tấn	2,674	3,301	3,093	9,016	115.68	93.70	291.50
5	Bao bì các loại	1000bộ	1,019	900	1,081	-	106.08	120.11	-
6	Thiết bị, phụ tùng	tỷ đ	15.274	71.729	68.945	14.820	451.39	96.12	
7	Xây lắp	tỷ đ	11.305	359.243	58.000	15.568	513.05	16.15	26.84
II	Doanh thu hợp nhất	tỷ đ	1,183.314	1,161.016	1,086.708	1,329.799	91.84	93.60	122.37
	DT T.mại, DV	tỷ đ	1,140.475	1,123.596	1,240.175	1,287.674	108.74	110.38	103.83
	DT HĐTC, DT khác	tỷ đ	42.840	37.421	61.044	42.125	142.49	163.13	69.01
III	Nộp ngân sách	tỷ đ	7.208	6.569	6.757	5.218	93.74	102.86	77.22
IV	Thu nhập bình quân	Trđ/N	14.175	11.687	12.864	14.809	90.75	110.07	115.12
V	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	48.461	41.002	56.794	37.408	117.20	138.51	65.87
CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ									
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY									
I	Sản phẩm kinh doanh								
1	Đường các loại	tấn	45,729	41,300	48,784	60,000	106.68	118.12	122.99
2	Mật ri	tấn	31,566	28,716	29,109	25,000	92.22	101.37	85.88
3	Vật tư nông nghiệp (*)	tấn	16,031	13,528	8,927	-	55.69	65.99	-
4	Xây lắp	tỷ đ	11.305	359.243	58.000	15.568	513.05	16.15	26.84
5	Sữa bột NL các loại	tấn		77.6	44.0	200		56.70	454.55
6	Hàng hóa khác	tỷ đ	20.715	5.00	5.005	7.23	24.16	100.10	144.46
II	Doanh thu	tỷ đ	917.982	1,061.310	960.158	1,161.325	104.59	90.47	120.95
	DT hoạt động TMDV	tỷ đ	875.143	1,023.890	897.963	1,119.200	102.61	87.70	124.64
	DTHĐ TC, Dthu khác	tỷ đ	42.840	37.421	62.195	42.125	145.18	166.20	67.73
III	Nộp ngân sách	tỷ đ	6.742	6.081	6.081	4.744	90.20	100.00	78.01
IV	Thu nhập bình quân	Trđ/N	14.784	12.052	13.088	15.909	88.53	108.60	121.55
V	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	47.372	39.256	47.897	35.975	101.11	122.01	75.11
CÔNG TY THƯƠNG MẠI TV&ĐT									
I	Sản phẩm kinh doanh								
-	Đường các loại	tấn	16,758	-	2,963	-	17.68		
	Vật tư sản xuất	tấn	2,674	3,301	3,093	9,016	115.68	93.70	291.50
	Vật tư NN	tấn	-	-	3,318	12,600			379.75
	Thiết bị, phụ tùng	tỷ đ	15.274	71.729	68.945	14.820	451.39	96.12	
	Bao bì các loại	1000 bộ	1,019	900	1,081	-	106.08	120.11	-
	Hàng hóa khác	tỷ đ				8.00			
II	Doanh thu	tỷ đ	265.332	99.706	126.550	168.474	47.69	126.92	133.13
III	Nộp ngân sách	tỷ đ	0.466	0.488	0.676	0.474	145.06	138.52	70.12
IV	Thu nhập bình quân	Trđ/N	10.825	11.322	12.640	13.709	116.77	111.64	108.46
V	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	1.089	1.746	1.846	1.433	169.53	105.73	77.62



**Phụ lục 1b: TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017
CỦA CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT**

(Kèm theo Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2016 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2017)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	ƯTH 2016	KH 2017	SS ƯTH 2016 (%)		KH 17/ ƯTH16 (%)
							TH2015	KH2016	
A	B	C	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7=4/3
I	Sản xuất nông nghiệp								
1	Diện tích thu mua	ha	18,168	20,366	18,738	19,776	103.14	92.01	105.54
2	Sản lượng mía sạch	tấn	990,220	1,113,920	1,145,226	1,189,918	115.65	102.81	103.90
3	Năng suất bình quân	t/ha	54.50	54.70	61.12	60.17	112.14	111.74	98.45
II	Giá trị SXCN	tỷ đ	792.259	913.586	895.509	980.637	113.03	98.02	109.51
1	Công ty con	tỷ đ	293.538	396.996	358.253	409.415	122.05	90.24	114.28
2	Công ty liên kết	tỷ đ	498.721	516.590	537.256	571.222	107.73	104.00	106.32
III	Sản phẩm chủ yếu								
1	Đường kính tổng số	tấn	98,742	113,867	113,667	121,550	115.12	99.82	106.94
2	Bánh các loại	tấn	6,321	6,715	6,653	7,160	105.25	99.08	107.62
3	Kẹo các loại	tấn	423	500.00	500.85	500	118.40	100.17	99.83
4	Bột canh+hạt nêm	tấn	24,807	25,500	26,153	25,750	105.42	102.56	98.46
5	Bia các loại	1000 l	7,573	7,958	8,369	10,025	110.51	105.17	119.78
6	Nước TNTK	1000 l	10.90	15.00	6.70	10.00	61.47	44.67	149.25
7	Nước Giải khát	1000 l	845	2,200	722	500	85.43	32.80	69.29
8	Bao PP+PE	1000 b		2,000	91	4,000			
9	Phân vi sinh	tấn	18,440	25,000	26,609	24,000	144.30	106.44	90.20
IV	Doanh thu	tỷ đ	2,342.387	2,569.160	2,625.500	2,931.983	112.09	102.19	111.67
V	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	189.88	167.12	269.66	199.16	142.02	161.36	73.86
VI	Nộp ngân sách	ty đ	131.120	117.262	146.437	138.734	111.68	124.88	94.74
VII	Thu nhập BQ	Trđ	3.966	4.376	4.745	4.816	119.64	108.43	101.50
CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ									
CÔNG TY CON									
1	Công ty CP Bia rượu Nước giải khát Viger								
-	Giá trị SXCN	tỷ đ	24.76	27.76	26.784	33.081	108.17	96.48	123.51
-	Sản phẩm chủ yếu								
	Bia quy lít	1000L	7,573	7,958	8,369.25	10,025	110.51	105.17	119.78
	Nước giải khát	1000c	844.70	2,200	721.6	500.0	85.43	32.80	69.29
	Nước tinh khiết	1000b	10.900	15.0	6.7	10.0	61.47	44.67	149.25
-	Doanh thu thuần	tỷ đ	84.70	68.24	144.364	132.080	170.44	211.56	91.49
	Trong đó: Haviger	tỷ đ	20.79	26.33	59.094	81.080	284.22	224.48	137.21
-	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	1.95	2.32	2.422	2.650	124.20	104.40	109.41
	Trong đó: Haviger	tỷ đ	0.439	0.230	0.386	-	87.93	167.83	-
	Nộp ngân sách	tỷ đ	25.155	25.121	29.514	31.827	117.33	117.49	107.84
	Thu nhập bình quân	Tr.đ	5.310	5.208	6.240	5.320	117.51	119.82	85.26
	Cổ tức	%	4.0	5.0	5.0	6.0		100.00	
2	Công ty CPKNTP 19/5								
-	Giá trị SXCN	tỷ đ	1.088	20.799	4.076	23.482	374.63	19.60	576.10
	Bao bì in	tấn	14.50	75.00	20.00	75.0	137.93	26.67	375.00
	Bao PP & PE	1000b		4,000	91.00	4,000.0		2.28	4,395.60
-	Doanh thu	tỷ đ	0.138	26.279	2.863	31.692	2,074.64	10.89	1,106.95
-	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	0.030	0.071	(0.30)	0.250		(422.54)	(83.33)
-	Nộp ngân sách	tỷ đ	0.100	1.070	0.540	1.112		50.47	205.93
-	Thu nhập bình quân	Trđ	4.000	4.000	4.000	4.000	100.00	100.00	100.00
3	Công ty CP Mía đường Sơn Dương								
-	Diện tích thu mua	ha	8,351	10,392	9,535	10,238	114.18	91.75	107.37
-	Sản lượng mía sạch	tấn	464,618	593,920	587,233	608,100	126.39	98.87	103.55
-	Năng suất bình quân	t/ha	57.10	58.60	61.2	63.00	107.18	104.44	102.94
-	Giá trị SXCN	tỷ đ	267.690	348.436	327.393	352.852	122.30	93.96	107.78
-	Sản phẩm chủ yếu								
	+ Đường kính	tấn	47,933	61,867	57,843	62,550	120.67	93.50	108.14
	+ Phân vi sinh	tấn	18,440	25,000	26,609	24,000	144.30	106.44	90.20
	+ Điện	Kw		13,726	-	28,500			
	+ Mật rỉ	tấn	17,940	21,985	22,425	22,387	125.00	102.00	99.83
-	Doanh thu	tỷ đ	709.019	986.279	914.750	1,039.619	129.02	92.75	113.65

11437
CÔNG TY
ƯỜNG
G TY
PHÂN
G-T.P

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	UTH 2016	KH 2017	SS UTH 2016 (%)		KH 17/ UTH16 (%)
							TH2015	KH2016	
	Sản phẩm tiêu thụ								
	+ Đường kính	tấn	50,290	61,891	55,269	62,550	109.90	89.30	113.17
	+ Phân vi sinh	tấn	18,500	25,000	26,646	24,000	144.03	106.58	90.07
	+ Sản phẩm hàng hóa khác	tr.đ							
	- Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	2.248	20.894	79.613	55.079	3,541.50	381.03	69.18
	Nộp ngân sách	tỷ đ	25.457	27.675	39.535	35.702	155.30	142.85	90.30
	Thu nhập bình quân	Tr đ	4.309	5.711	5.300	6.000	123.00	92.80	113.21
	Cổ tức	%	10.0	10.0	10.0	10.0		100.00	100.00
CÔNG TY LIÊN KẾT									
1	Công ty CP bánh kẹo Hải Châu								
	- Giá trị SXCN	tỷ đ	234.514	246.190	246.971	264.422	105.31	100.32	107.07
	- Sản phẩm chủ yếu								
	Bánh các loại	tấn	6,321.3	6,715	6,653.28	7,160	105.25	99.08	107.62
	Kẹo các loại	tấn	423.0	500	500.85	500	118.40	100.17	99.83
	Thạch (SP mới)	tấn							
	Bột canh+hạt nêm	tấn	24,807	25,500	26,153	25,750	105.42	102.56	98.46
	- Doanh thu	tỷ đ	749.844	788.365	773.821	827.200	103.20	98.16	106.90
	- Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	60.303	60.580	60.915	22.850	101.01	100.55	37.51
	Nộp ngân sách	tỷ đ	38.066	37.396	37.888	30.093	99.53	101.32	79.43
	Thu nhập bình quân	Tr đ	6.910	6.960	7.127	7.260	103.14	102.40	101.87
	Cổ tức	%	12	12	12	12	100.00	100.00	
2	Công ty TNHH đường mía Việt Đài								
	- Diện tích thu mua	ha	9,817	9,974	9,203	9,538	93.75	92.27	103.64
	- Sản lượng mía sạch	tấn	525,602	520,000	557,993	581,818	106.16	107.31	104.27
	- Năng suất bình quân	t/ha	53.54	62.00	60.63	61.00	113.24	97.79	100.61
	- Giá trị SXCN	tỷ đ	264.207	270.400	290.285	306.800	109.87	107.35	105.69
	- Sản phẩm chủ yếu								
	Đường các loại	tấn	50,809	52,000	55,824	59,000	109.87	107.35	105.69
	- Doanh thu	tỷ đ	798.685	700.000	789.701	901.392	98.88	112.81	114.14
	- Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	125.348	83.250	127.006	118.328	101.32	152.56	93.17
	Nộp ngân sách	tỷ đ	42.342	26.000	38.960	40.000	92.01	149.85	102.67
	Thu nhập bình quân	Tr đ	3.300	4.000	5.056	5.500	153.21	126.40	108.78

* Ghi chú: Số liệu không bao gồm TCT mía đường II



Phụ lục 2:

THÙ LAO VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

theo báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2016; Kế hoạch, nhiệm vụ năm 2017)

I. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức danh	NQ ĐHĐCD (đồng)	Thực hiện (đồng)	So sánh	Ghi chú
A	B	C	1	2	3=2/1	4
I	Thù lao của HĐQT		660,000,000	505,000,000	76.52%	
1	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT	180,000,000	45,000,000	25.00%	Kiểm TGD từ 20/9/2016 nên tính thù lao kiểm nhiệm từ T10/2016
2	Vũ Thị Huyền Đức	TV HĐQT kiểm TGD	120,000,000	90,000,000	75.00%	Từ nhiệm T9/2017
3	Trần Thị Lệ Châm	TV HĐQT kiểm PTGD	120,000,000	120,000,000	100.00%	
4	Lê Trung Thành	Thành viên HĐQT	120,000,000	120,000,000	100.00%	
5	Đặng Việt Anh	Thành viên HĐQT	120,000,000	100,000,000	83.33%	Từ nhiệm T10/2017
6	Cao Chiến Thắng	Thành viên HĐQT		30,000,000		Bổ nhiệm T10/2017, thay cho bà Đức
II	Thù lao của BKS		390,000,000	306,864,818	78.68%	
1	Đỗ Đình Quý	Trưởng BKS	270,000,000	196,864,818	72.91%	Chuyên trách - trả bằng mức lương PTGD
2	Trần Thị Nhi	Thành viên BKS	60,000,000	50,000,000	83.33%	Từ nhiệm T10/2017
3	Lê Thị Huệ	Thành viên BKS	60,000,000	60,000,000	100.00%	
	Tổng		1,050,000,000	811,864,818	77.32%	

II. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Stt	Khoản mục	Thực hiện (đồng)
1	Chi phí hội họp	54,711,000
2	Chi phí tiếp khách	279,434,828
3	Chi phí xăng dầu và công tác	431,147,090
4	Chi phí khác	119,463,580
	Tổng	884,756,498

III. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết ĐHĐCD năm 2016, kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS tối đa là 0,2%

Stt	Khoản mục	Theo Nghị quyết ĐHĐCD (đồng)	Thực hiện (đồng)	So sánh
A	B	1	2	3 = 2/1
1	Thù lao	1,050,000,000	811,864,818	58.57%
2	Chi phí hoạt động	2,480,349,433	884,756,498	35.67%
	Tổng	3,530,349,433	1,696,621,316	48.06%